

Bản án số: 12/2019/HNGĐ - ST
Ngày 30/7/2019
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ THIỆN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Diệp

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Phú Thiện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Minh – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 19/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019, về việc: “*Không công nhận quan hệ vợ chồng, giải quyết việc nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nay T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn Plei Kte Lớn A, xã IY, huyện PT, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị **Siu H’H**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn Plei Kte Lớn A, xã IY, huyện PT, tỉnh Gia Lai

Anh Nay T có mặt. Chị Siu H’H vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, dù đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nay T trình bày:

Anh và chị Siu H’H tự nguyện tìm hiểu và về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện vào năm 2000. Anh, chị chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục người Jrai mà không có đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống với nhau anh chị có thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng quan điểm sống. Anh T làm công chức nhà nước, còn vợ thì ở nhà làm nông. Vì điều kiện công việc anh T thường phải giao lưu,

gặp gỡ. Chị H không hiểu mà còn ghen tuông vô cớ, không lo chăm sóc cho gia đình. Anh cũng đã cố gắng bỏ qua nhiều lần và vợ chồng cũng đã ngồi hòa giải với nhau nhưng H vẫn không hề thay đổi. Anh chị đã sống ly thân với nhau được 02 năm. Trong suốt thời gian chung sống với nhau anh chị không đăng ký kết hôn. Nay anh cảm thấy tình cảm giữa hai bên không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Siu H'H.

- *Về việc nuôi con chung*: Có 02 con chung là Siu M, sinh năm 2000 và Siu K, sinh ngày 30/7/2003. Cháu Siu M đã trưởng thành và có gia đình riêng. Nguyên vọng của anh Nay T là được nuôi cháu Siu K và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Anh T và chị H không nợ tài sản của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn chị Siu H'H*: Tòa án đã tiến hành xác minh qua người thân, được biết chị Siu H'H vắng mặt tại địa phương nhưng thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho chị Siu M (con ruột chị Siu H'H). Chị Siu M đã thông báo cho chị H biết đề về tham gia giải quyết vụ án nhưng chị H đã cố tình trốn tránh không tham gia vào việc giải quyết vụ án.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*:

Đại diện Viện kiểm sát phân tích thẩm quyền giải quyết vụ án và việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong việc giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nay T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng và nuôi con chung với chị Siu H'H. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Siu H'H là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Plei Ktelón A, xã IY, huyện PT, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Anh Nay T và chị Siu H'H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000. Tại thời điểm chung sống với nhau, hai bên đều chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn.

Sau một thời gian chung sống, dù đã đủ tuổi đăng ký kết hôn nhưng hai bên đã không đăng ký kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị H là không hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, hai bên đã sinh được hai con chung nhưng cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Khi anh T yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Chị Siu H'H biết rõ việc này nhưng đã không đến Tòa án làm việc. Điều đó chứng tỏ chị Siu H'H cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý thức hàn gắn mâu thuẫn và hợp pháp quan hệ vợ chồng với anh T theo Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành.

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của anh Nay T là có căn cứ vì mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Hai bên đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng đã không đăng ký để được pháp luật công nhận. Vì vậy, căn cứ Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của anh Nay T, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh với chị Siu H'H.

[3] Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con

Xét nguyện vọng nuôi con của anh Nay T về việc nuôi con và xem xét nguyện vọng của con chung, thấy rằng cần tiếp tục giao cho anh Nay T trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung để đảm bảo quyền lợi mọi mặt. Do vậy, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84, 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho anh Nay T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Siu K, sinh ngày 30/7/2003. Anh T không yêu cầu nên chị Siu H'H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản và công nợ chung

Anh Nay T không yêu cầu giải quyết về tài sản. Hai bên không nợ tài sản của ai nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Nay T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nay T.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận anh Nay T và chị Siu H'H là vợ chồng.

- *Về việc nuôi con chung:*

Giao cho anh Nay T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Siu K, sinh ngày 30/7/2003. Chị Siu H'H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của anh Nay T tính từ hôm nay (30/7/2019) cho đến khi con chung thành niên, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị Siu H'H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng mức cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về án phí:*

Anh Nay T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006251 ngày 20/02/2019, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí sung công quỹ.

- *Quyền kháng cáo:*

Anh Nay T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/7/2019. Chị Siu H'H có quyền kháng cáo trong thời hạn nói trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Thiện;
- Chi cục THA DS huyện Phú Thiện;
- Lưu TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Toàn